

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-ST
Ngày: 17 – 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mạnh; 2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Duồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/HSST-QĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; sinh ngày 08/3/2001, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: 192/15/11 Võ Văn K, phường K, Tp B, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Số 413/23 Phạm Văn Đ, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2018 đến ngày 26/12/2018 được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 16 ngày 26/12/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 14, xã H, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Ông Trần H, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Ông Nguyễn Gia L, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2.3. *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Huy M, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 91/16/31 Trần Quý C, phường T, Tp B.

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Bà Đỗ Thị Kim C, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 42 Trần Huy L, phường T, Tp B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/12/2018 đội tuần tra giao thông Công an huyện CưM'gar đang làm nhiệm vụ tuần tra tại Km5+200, tỉnh lộ 8 thuộc địa phận thôn C, thị trấn E, huyện C phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 47A-04100 do Nguyễn Huy M điều khiển có biểu hiện nghi vấn đã tiến hành kiểm tra hành chính xe ô tô. Trên xe lúc này có 02 đối tượng gồm: Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức Th. Qua kiểm tra phương tiện và hành lý trên xe ô tô thì phát hiện trong túi màu nâu của Nguyễn Đức Th có 01 con dao dài khoảng 25cm (cán bằng gỗ có vỏ bọc bên ngoài bằng nhựa), trong túi màu đen của Nguyễn Văn T có 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại màu đen, bên trong không có đạn. Sau đó, các đối tượng trên được đưa về trụ sở Công an huyện CưM'gar và phối hợp với cơ quan an ninh điều tra công an tỉnh Đắk Lắk lập biên bản phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai:

Khoảng đầu tháng 12/2018 Phạm Quốc V (là bạn của T, tên thường gọi là Bin) có nhờ Nguyễn Văn T mua súng loại thể thao hoặc súng K54. Do quen biết nên T đồng ý với V là sẽ hỏi bạn bè quen biết ngoài xã hội nếu có thì sẽ giới thiệu cho V. Chiều tối ngày 16/12/2018, T có nói với Nguyễn Gia L là chủ quán “cà phê Nguyễn” tại xã E, huyện C nơi T đang phụ giúp bán quán về V và nhờ L tìm giúp

cho 01 khẩu súng nhưng không nói rõ loại súng gì, L trả lời “*để anh coi anh hỏi cho*”. Sau đó L, T, Lãm (không rõ nhân thân, lai lịch) dự định đi thành phố B chơi nên T gọi điện cho V nhờ xuống đón tại thị trấn Q, huyện C, V đồng ý. Khi đến thành phố B, L và Lãm ghé vào quán G9 ở ngã tư đường Trần Khánh D và Tôn Đức T, còn T đi với V để bàn công việc. Trên đường đi thuê phòng nghỉ, T nói cho V biết T đã nhờ L tìm giúp chỗ mua súng và L đã đồng ý. Sau đó, T và V thuê phòng tại “nhà nghỉ Thiên Nga” đường L, do T không có giấy tờ tùy thân nên V để giấy chứng minh nhân dân của V lại cho nhà nghỉ. Tại phòng nghỉ, V nói T liên lạc với L đến phòng nghỉ trao đổi về súng, đạn nhưng L không nghe điện thoại. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 17/12/2018 V lại nói T gọi điện thoại cho L qua nhà nghỉ để trao đổi việc mua súng nhưng L nói say rồi, để mai uống cà phê rồi nói chuyện, sau đó thì V đi đâu không rõ.

Khoảng 11 giờ ngày 17/12/2018 L gọi điện thoại rủ T đến quán cà phê “Kơ Nia” đường N, thành phố B. Khi T đến, thấy có L, Lãm, Trần H, P (bạn của H) và vợ chồng em của L (không rõ họ tên, địa chỉ) đang ngồi uống cà phê. T đến hỏi L việc nhờ tìm súng giúp thì L nói đã nói Trần H, có gì kêu thằng kia ra nói chuyện. Lúc này, V gọi điện cho T lấy giấy chứng minh nhân dân ở nhà nghỉ thì T nói V lên quán cà phê Kơ Nia. Khi T đi lấy giấy chứng minh quay lại quán cà phê thì V vừa đến, T, L, V và Trần H đi ra bàn riêng không có người để nói chuyện, T giới thiệu V cho H và L rồi để V trao đổi. V nói chuyện về hoàn cảnh gia đình có vợ đi tù về tội ma túy và nhờ H tìm nguồn mua súng. H nói để hỏi giúp V, nếu V cần gấp thì lấy khẩu Colt của H nhưng không có đạn, V đồng ý mượn súng của H trong 01 ngày và sau khi sử dụng xong sẽ cho H mấy viên đạn. H nói để sắp xếp có gì thì V và T xuống lấy nếu bận quá không đi được thì H sẽ đưa cho T mang lên cho V.

Khoảng 16 giờ ngày 17/12/2018 V gọi điện cho T qua phòng trọ của V tại địa chỉ 127A Y N, thành phố B để nói chuyện, tại đây V rủ T xuống nhà H để lấy súng. V đặt xe taxi để đi, lúc này V có điện thoại, sau khi nghe xong V nói có việc bận nên nhờ T đi một mình xuống nhà H để lấy súng, T đồng ý. V đưa cho T số tiền 800.000 đồng để trả tiền xe taxi, khi xe đến T lên xe đi đến xã E, huyện C. Khi đến xã E, T ghé quán “cà phê Nguyễn” gặp Nguyễn Đức Th, Th hỏi đi nhờ xe T về phố thì T đồng ý. T ăn cơm rồi sau đó lên xe taxi đi đến nhà H để lấy súng. Tại đây, T thấy vợ chồng H đang ăn cơm, H dẫn T xuống phòng bếp nhà H rồi lấy 01 túi ở đằng sau tủ lạnh mở ra lấy 01 bọc nylon màu xanh đưa cho T, T mở ra thì thấy có 01 khẩu súng màu đen bằng kim loại, T bỏ súng vào túi đeo trước người và ra xe taxi. Sau đó, T ghé đón Th rồi về lại thành phố B. Trên đường đi, vì điện thoại của T bị hỏng camera nên T mượn điện thoại di động của Th nhưng không nói để làm

gì. T chụp hình súng và hộp tiếp đạn rồi gửi qua Bluetooth sang điện thoại của T và trả điện thoại lại cho Th. Tiếp đó, T gửi hình ảnh súng và hộp tiếp đạn qua facebook cho V rồi xóa hình ảnh vừa gửi cho V. Lúc này, T thấy cảnh sát giao thông kiểm tra nên không kịp xóa hình ảnh súng, hộp tiếp đạn trên điện thoại, còn hình ảnh súng, hộp tiếp đạn trên điện thoại của Th thì T quên chưa kịp xóa khi trả. Do sợ bị phát hiện có súng trong túi đeo trước người nên T đã tháo túi ra để xuống dưới gầm ghế xe, sau đó lực lượng Công an kiểm tra phát hiện súng nên mời những người trên xe về cơ quan Công an huyện CưM'gar lập biên bản.

Tại bản kết L giám định số: 563/C09B ngày 24/12/2018 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh của Viện khoa học hình sự kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng Colt M1911 do Mỹ sản xuất, không rõ năm sản xuất. Hiện tại, số súng bị mài phá sâu không đọc được, các bộ phận khác còn đủ và bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là vũ khí quân dụng.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 31, khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã trả lại 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO và 01 dao làm bằng kim loại, dài khoảng 25cm, cán dao làm bằng gỗ có vỏ bọc ngoài bằng ống nhựa cho Nguyễn Đức Th là chủ sở hữu hợp pháp; tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số Imei 013336000021900, bên trong có 01 sim điện thoại số 0826068071 sung công quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T. Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk tiêu hủy 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại, hộp tiếp đạn không có đạn, bên trái thân súng có ký hiệu REMINGTON RANDING STRACVSE NYUSA, bên thân phải súng có ký hiệu UNITED STA, phần còn lại bị mài mòn và một số ký hiệu khác bị mờ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/12/2018 tại Km 5+200, tỉnh lộ 8 thuộc địa phận thôn C, thị trấn E, huyện C, Nguyễn Văn T đã bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng là 01 khẩu súng Colt M1911 do Mỹ sản xuất.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm”.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý và sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, tiềm ẩn khả năng phát sinh các tội phạm khác khi những vũ khí quân dụng này bị sử dụng trái phép xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác. Bị cáo có đủ năng lực hành vi và nhận thức để biết nhà nước nghiêm cấm cá nhân, tổ chức có hành vi liên quan đến việc tàng trữ, vận chuyển,...vũ khí quân dụng khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém nên bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển vũ khí quân dụng. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tuy trong quá trình điều tra bị cáo khai báo quanh co gây khó khăn cho công tác điều tra nhưng xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định trên, xét thấy bị cáo phạm tội tại thời điểm chưa đủ 18 tuổi (17 năm 09 tháng 09 ngày tuổi) nên cần áp dụng chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Đối với Phạm Quốc V khai nhận: V có quen biết Nguyễn Văn T, V không nhận đã kể cho T nghe chuyện vợ mình (Nguyễn Thị Kim N) đi tù về tội ma túy rồi nhờ T tìm giúp người bán súng để đi phá sòng bạc kiếm tiền lo cho vợ, cũng như không nhận việc bàn bạc và nhờ T đi xuống xã E, huyện C lấy súng rồi mang về thành phố B cho V. Qua đối chất giữa Nguyễn Văn T và Phạm Quốc V thì V vẫn giữ nguyên lời khai của mình với cơ quan điều tra. Xác minh tại Công an xã H, thành phố B được biết Nguyễn Thị Kim N (sinh năm 1995, HKTT: Thôn 11, xã H, thành phố B) từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài lời khai của Nguyễn Văn T, không có tài liệu, chứng cứ gì khác. Vì vậy, cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý đối với Phạm Quốc V là có căn cứ.

[8] Đối với Nguyễn Gia L khai nhận: Nguyễn Gia L có quen biết, nhờ Nguyễn Văn T phụ giúp quán cà phê của mình ở xã E, huyện C. Từ trước đến nay, L hoàn toàn không bàn bạc với T và những người khác về vấn đề liên quan đến súng, đạn như lời khai của T. Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia L thì L vẫn giữ nguyên lời khai của mình, chỉ thay đổi là đêm ngày 16/12/2018 trước khi lên thành phố B chơi thì T có nhờ L tìm giúp cho T 01 khẩu súng nhưng không nói khẩu súng gì, L nói là sẽ tìm giúp để qua chuyện chứ thực chất L không biết hỏi tìm súng ở đâu. Ngoài lời khai của Nguyễn Văn T, không có tài liệu chứng cứ gì khác. Vì vậy, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý đối với Nguyễn Gia L là có căn cứ.

[9] Đối với Trần H khai nhận: Trần H có biết Nguyễn Văn T, vào trưa ngày 17/12/2018 tại quán cà phê Kơ Nia chỉ uống cà phê với L, T và những người khác, H chỉ nói chuyện với Nguyễn Thanh P về việc vay vốn ngân hàng chứ không đề ý từng người trong lúc uống cà phê, tại đây H không nói chuyện gì về vấn đề súng, đạn.

Đêm ngày 17/12/2018 Nguyễn Văn T không đến nhà H và H cũng không giao vật gì cho T. Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Văn T và Trần H thì H vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Ngoài lời khai của Nguyễn Văn T, không có tài liệu chứng cứ gì khác. Vì vậy, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý đối với Trần H là có căn cứ.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng thu giữ của Nguyễn Đức Th gồm: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, số Imei1: 869604031078552 và số Imei2: 869604031078545 và 01 dao làm bằng kim loại, dài khoảng 25cm, cán dao làm bằng gỗ có vỏ bọc ngoài bằng ống nhựa, không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 06/6/2019 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho Nguyễn Đức Th. Xét việc trao trả trên là phù hợp, cần chấp nhận.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số Imei 013336000021900, bên trong có 01 sim điện thoại số 0826068071 (không rõ tình trạng sử dụng) là phương tiện bị cáo Nguyễn Văn T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 túi xách màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T đã cũ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại, hộp tiếp đạn không có đạn, bên trái thân súng có ký hiệu REMINGTON RANDING STRACVSE NYUSA, bên thân phải súng có ký hiệu UNITED STA, phần còn lại bị mài mòn và một số ký hiệu khác bị mờ, hiện đang được tạm giữ tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Đây là vũ khí quân dụng, không còn giá trị sử dụng nên cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk tiêu hủy theo thẩm quyền.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 90, 91, 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2018 đến ngày 26/12/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu OPPO, số Imei1: 869604031078552 và số Imei2: 869604031078545 và 01 dao làm bằng kim loại, dài khoảng 25cm, cán dao làm bằng gỗ có vỏ bọc ngoài bằng ống nhựa cho Nguyễn Đức Th là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số Imei 013336000021900, bên trong có 01 sim điện thoại số 0826068071 (không rõ tình trạng sử dụng) sung công quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T.

(Có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/7/2019 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar).

- Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk tiêu hủy 01 khẩu súng ngắn bằng kim loại, hộp tiếp đạn không có đạn, bên trái thân súng có ký hiệu REMINGTON RANDING STRACVSE NYUSA, bên thân phải súng có ký hiệu UNITED STA, phần còn lại bị mài mòn và một số ký hiệu khác bị mờ, hiện đang được tạm giữ tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND cùng cấp
- THADS huyện; THA phạt tù
- Sở tư pháp; CA huyện
- Bị cáo, người LQ
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VT

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý

